

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhung

Ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TP giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1990

Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ nơi tạm trú: Tổ 5B, Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Quách Thị Hồng T, sinh năm 1992

Địa chỉ cư trú: 1711/12, tổ 4, ấp 3, xã T, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2017, bản tự khai của nguyên đơn anh Ngô Văn N trình bày ý kiến và yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn N và chị Quách Thị Hồng T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và thường hay xích mích cãi vã với nhau. Từ tháng 11/2016 cho đến nay anh N và chị T đã sống ly thân. Anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống với nhau thì cũng không có hạnh phúc, vì

vậy anh N đã làm đơn yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung là Ngô Khánh N, sinh ngày 17/11/2014, cháu N hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh N có ý kiến, nếu chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu N thì anh cũng đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/6/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chị Quách Thị Hồng T trình bày ý kiến, đề nghị như sau:

Chị T thừa nhận toàn bộ lời trình bày của anh N về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung là đúng. Chị T đề nghị tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh N.

- Về con chung: Cháu Ngô Khánh N, sinh ngày 17/11/2014, hiện tại cháu N do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Hiện nay với mức lương trung bình 6.000.000đ (Sáu triệu) đồng/01 tháng, với số tiền này tạm thời đủ khả năng nuôi dưỡng cháu N, vì vậy chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, kèm theo đơn khởi kiện, anh N có cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của các đương sự (bản sao), Chứng nhận kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh của con chung (bản sao), Giấy ủy quyền nộp tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn (bản gốc), Đơn đề nghị hòa giải xét xử vắng mặt (bản gốc). Tòa án đã sao gửi toàn bộ đơn khởi kiện kèm theo những tài liệu chứng cứ này cho chị T.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai, biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự. Tòa án đã thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự biết.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị T có giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ cụ thể: Sổ phụ về biến động tài khoản (bản photo có đóng mộc treo) của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh. Chị T không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ các bên đã cung cấp cũng như các tài liệu chứng cứ mà tòa án đã thu thập được và không có ý kiến, yêu cầu gì bổ sung. Do anh N vắng mặt, Tòa án đã ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh N theo đúng quy định của pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát huyện TP tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các trình tự tố tụng mà pháp luật quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng đối với phiên tòa sơ thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ngô Văn N
- Anh Ngô Văn N được ly hôn với chị Quách Thị Hồng T.

- Giao cháu Ngô Khánh N cho chị Quách Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có.
- Về án phí: Anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa chị Quách Thị Hồng T không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Ngày ngày 03/5/2017 anh Ngô Văn N viết đơn khởi kiện đối với chị Quách Thị Hồng T. Vì vậy, xác định anh N là nguyên đơn, chị T là bị đơn.

- Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T và quyền nuôi dưỡng con chung vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Chị T có địa chỉ nơi cư trú tại xã T, huyện TP, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Tại phiên tòa, anh N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa anh N, chị T hoàn toàn hợp pháp do tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2014. Trên cơ sở lời khai của các đương sự trong quá trình tố tụng và xác minh thực tế tại địa phương đã thể hiện: Anh N và chị T tìm hiểu nhau trong 03 (ba) năm, sau đó tổ chức lễ cưới và chung sống hạnh phúc cho đến tháng 9/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã với nhau dẫn đến vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2016 cho đến nay. Anh N nhận thấy tình vợ chồng không còn và không thể tiếp tục cuộc sống chung với chị T vì vậy anh N đã viết đơn khởi kiện xin được ly hôn với chị T. Yêu cầu xin ly hôn của anh N được chị T đồng ý chấp nhận.

Xét thấy hôn nhân giữa anh N và chị T không có hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt. Anh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung là cháu Ngô Khánh N, sinh ngày 17/11/2014. Hiện tại cháu N do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án anh N và chị T đã thỏa thuận được với nhau về quyền nuôi con. Tại phiên tòa, anh N vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ngân và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Do anh N vắng mặt, nên chấp nhận đề nghị của chị T về nguyện vọng nuôi con chung là có cơ sở. Chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con đối với anh N. Tạm thời anh N không phải

cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết anh N và chị T trình bày không có và không yêu cầu. Tại phiên tòa anh N vắng mặt vì vậy đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn N

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn N được ly hôn với chị Quách Thị Hồng T.

2. Về nuôi con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Khánh N, sinh ngày 17/11/2014, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005787 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TP, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, chị T được tính kể từ ngày tuyên án, anh N được tính kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Ủy ban nhân dân xã T (Số 46/2014, ngày 10/7/2014)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Phi